TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 974/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2024 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2024;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 730/2025/HNST ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972
HKTT: Số E Đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Đoàn Thị Vân P, sinh năm: 1979
HKTT: Số E Đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 11 tháng 4 năm 2025, ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị Vân P thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị Vân P thuận tình ly hôn; Về con chung: Ông T và ông P có 02 (hai) con chung tên Lê M (nam), sinh ngày 03/12/2004 (đã trưởng thành) và Lê D (nam), sinh ngày 11/5/2009 (nam). Hai bên thống nhất giao con chung Lê D cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có; Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà P và ông T chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 11 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Đoàn Thị Vân P, sinh năm 1979 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê M (nam), sinh ngày 03/12/2004 (đã trưởng thành) và Lê D (nam), sinh ngày 11/5/2009 (nam). Ông T và bà P thống nhất giao con chung Lê D cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Đoàn Thị Vân P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn T không thi hành án cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị Vân P phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0073883 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T bà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh